

Biểu 01 - DST
(Ban hành tại Thông tư số: 01/2022/TT-BYT)
Ngày nhận b/c: Chậm nhất 15 ngày kể từ thời điểm
kết thúc kỳ báo cáo.
Số:...../BC-.....

Đơn vị báo cáo :
Chi cục DS-KHHGD Tỉnh Thanh Hoá
Nơi nhận:
+ Tổng cục DS-KHHGD
+ Sở Y tế Tỉnh Thanh Hoá
+ Cục thống kê Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO THỐNG KÊ CHUYÊN NGÀNH DÂN SỐ
QUÝ 1 NĂM 2025

Tên chỉ tiêu	Toàn tỉnh	Huyện Bá Thước	Huyện Cẩm Thủy
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	924.046	26.128	27.774
Trong đó: Số hộ gia đình	923.504	26.123	27.771
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	3.895.040	112.439	120.600
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	587.625	18.142	18.021
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	6.725	166	214
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	3.749	88	144
- Số trẻ em nữ sinh ra	2.976	78	70
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	2.013	64	35
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	1.457	34	14
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	335	10	11
5. Số người chết trong quý (người)	4.543	158	154
6. Số người kết hôn trong quý (người)	1.386	0	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	431	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	76	76	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	6	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	3.378	14	1
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	2.607	18	37
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	16.514	397	0
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	504	23	10
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	45	0	1
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	143	1	3
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	10	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	35	2	1
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	20.793	31.823	43.233
Trong đó: Số hộ gia đình	20.791	31.823	43.228
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	82.146	123.075	186.278
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	12.599	17.721	25.862
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	225	138	116
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	137	74	71
- Số trẻ em nữ sinh ra	88	64	45
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	64	54	19
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	53	39	14
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	7	4	2
5. Số người chết trong quý (người)	168	135	117
6. Số người kết hôn trong quý (người)	42	0	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	222	111	8
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	152	62	35
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	1.241	0	17
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	97	9	7
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	16	0	1
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	54	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	1	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	2	1	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoàng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	57.208	11.593	8.036
Trong đó: Số hộ gia đình	57.205	11.592	8.034
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	236.065	51.217	41.277
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	33.650	8.074	7.049
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	159	43	94
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	89	26	50
- Số trẻ em nữ sinh ra	70	17	44
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	46	20	9
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	34	11	4
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	13	1	29
5. Số người chết trong quý (người)	137	31	18
6. Số người kết hôn trong quý (người)	58	0	58
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	13	0	232
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	63	5	21
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	39	7	6
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	0	0	2.478
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	23	0	4
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	1	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	2	0	2
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	1	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	45.876	37.502	33.793
Trong đó: Số hộ gia đình	45.872	37.502	33.770
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	191.402	140.788	147.272
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	27.371	20.482	23.635
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	285	337	329
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	135	175	177
- Số trẻ em nữ sinh ra	150	162	152
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	99	61	85
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	66	54	50
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	10	13	24
5. Số người chết trong quý (người)	202	235	229
6. Số người kết hôn trong quý (người)	6	138	2
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	20	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	63	230	8
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	69	21	138
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	0	0	1.281
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	1	1	14
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	0	1
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	5
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	22.848	16.570	10.815
Trong đó: Số hộ gia đình	22.844	16.531	10.792
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	101.628	74.191	48.591
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	16.113	12.003	8.079
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	133	25	4
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	77	12	1
- Số trẻ em nữ sinh ra	56	13	3
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	41	31	2
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	37	28	0
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	6	11	1
5. Số người chết trong quý (người)	82	5	8
6. Số người kết hôn trong quý (người)	0	0	2
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	0	12	1
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	12	1	0
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	0	0	19
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	0	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	8.981	49.831	34.938
Trong đó: Số hộ gia đình	8.932	49.787	34.933
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	42.306	228.811	156.417
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	7.158	34.292	23.852
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	22	141	289
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	8	64	163
- Số trẻ em nữ sinh ra	14	77	126
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	11	53	113
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	4	30	87
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	0	5	19
5. Số người chết trong quý (người)	14	94	181
6. Số người kết hôn trong quý (người)	1	31	6
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	1	1
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	1	14	228
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	0	23	38
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	144	0	1.189
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	0	22	72
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	3	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý (người)	0	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	1	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	1	5
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	41.863	55.140	21.569
Trong đó: Số hộ gia đình	41.863	55.131	21.568
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	163.585	207.760	96.919
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	23.413	29.005	15.788
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	373	488	139
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	222	295	75
- Số trẻ em nữ sinh ra	151	193	64
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	115	123	30
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	77	99	23
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	17	18	4
5. Số người chết trong quý (người)	325	426	73
6. Số người kết hôn trong quý (người)	148	53	50
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	12	19	35
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	2
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	139	84	46
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	141	964	32
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	801	389	742
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	16	8	0
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	1	1	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	9	0	2
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	1	1	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	52.185	22.677	44.160
Trong đó: Số hộ gia đình	52.183	22.662	44.159
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	222.167	87.684	173.871
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	33.011	12.160	25.712
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	502	188	387
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	280	104	209
- Số trẻ em nữ sinh ra	222	84	178
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	171	58	107
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	84	50	95
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	31	13	16
5. Số người chết trong quý (người)	336	124	311
6. Số người kết hôn trong quý (người)	7	13	110
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	0	0	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	77	114	236
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	68	53	148
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	390	777	446
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	26	12	34
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	1	1	2
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	3	2
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	2	3	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	1	8	3
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	25.873	94.935	16.013
Trong đó: Số hộ gia đình	25.869	94.761	15.889
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	117.558	403.969	61.464
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	18.128	64.990	8.130
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	192	896	53
Trong tổng số:			
- Số trẻ em nam sinh ra	109	488	23
- Số trẻ em nữ sinh ra	83	408	30
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	65	277	11
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	60	143	7
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	12	18	1
5. Số người chết trong quý (người)	102	400	62
6. Số người kết hôn trong quý (người)	127	143	0
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	32	1	0
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0	0	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0	0	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	85	753	33
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	142	179	0
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	114	2	0
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	10	75	0
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	0	13	0
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	0	0	0
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	0	0	0
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
1. Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	61.889
Trong đó: Số hộ gia đình	61.889
2. Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú (dân số) tính đến cuối quý (người)	275.560
3. Số nữ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	43.185
4. Tổng số trẻ sinh ra trong quý (người)	787
Trong tổng số:	
- Số trẻ em nam sinh ra	453
- Số trẻ em nữ sinh ra	334
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 2	249
- Số trẻ em sinh ra là con thứ 3 trở lên	260
- Số trẻ em sinh ra của phụ nữ dưới 20 tuổi	39
5. Số người chết trong quý (người)	416
6. Số người kết hôn trong quý (người)	391
Trong tổng số: - Số người tảo hôn	67
- Số người người kết hôn cận huyết thống	0
7. Số cặp kết hôn đã được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (cặp)	0
8. Số người ly hôn trong quý (người)	2
9. Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	809
10. Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	222
11. Số phụ nữ mang thai trong quý (người)	6.087
12. Số nữ đặt vòng tránh thai mới trong quý (người)	40
Trong đó: Số nữ thay vòng tránh thai (người)	3
13. Số nữ thôi sử dụng vòng tránh thai trong quý(người)	60
14. Số nam mới triệt sản trong quý (người)	0
15. Số nữ mới triệt sản trong quý (người)	3
16. Số nữ mới cấy tránh thai trong quý (người)	8
Trong đó: Số thay que cấy tránh thai (người)	0

Tên chỉ tiêu	Toàn tỉnh	Huyện Bà Thước	Huyện Cẩm Thủy
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	283.355	11.293	8.083
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	205.789	8.161	4.643
- Triệt sản nam	77	4	7
- Triệt sản nữ	1.586	28	48
- Thuốc cấy tránh thai	1.039	83	54
- Thuốc tiêm tránh thai	2.257	142	81
- Thuốc uống tránh thai	23.108	1.074	1.210
- Bao cao su	38.675	1.652	1.900
- Biện pháp tránh thai khác	10.824	149	140
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	304.270	6.849	9.938
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	68	68	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	41	41	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	3	3	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	53	53	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	1	1	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	53	53	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	4	4	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	23	23	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	1.265	1.265	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	535	535	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	7.061	11.038	9.934
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	4.769	7.370	8.709
- Triệt sản nam	1	0	4
- Triệt sản nữ	48	103	50
- Thuốc cấy tránh thai	13	6	0
- Thuốc tiêm tránh thai	40	81	118
- Thuốc uống tránh thai	676	788	325
- Bao cao su	1.145	2.369	567
- Biện pháp tránh thai khác	369	321	161
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	5.538	6.683	15.928
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoàng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	14.125	5.216	3.988
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	11.505	4.525	2.790
- Triệt sản nam	2	7	1
- Triệt sản nữ	100	25	0
- Thuốc cấy tránh thai	8	0	56
- Thuốc tiêm tránh thai	42	96	105
- Thuốc uống tránh thai	614	212	784
- Bao cao su	1.397	260	229
- Biện pháp tránh thai khác	457	91	23
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	19.525	2.858	3.061
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	8.181	8.254	10.619
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	6.368	6.360	6.729
- Triệt sản nam	0	4	9
- Triệt sản nữ	47	62	114
- Thuốc cấy tránh thai	62	1	48
- Thuốc tiêm tránh thai	112	36	100
- Thuốc uống tránh thai	553	607	1.250
- Bao cao su	732	990	1.434
- Biện pháp tránh thai khác	307	194	935
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	19.190	12.228	13.016
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	8.371	6.942	4.114
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	7.402	5.026	2.635
- Triệt sản nam	0	6	2
- Triệt sản nữ	60	93	18
- Thuốc cấy tránh thai	14	2	29
- Thuốc tiêm tránh thai	46	49	80
- Thuốc uống tránh thai	396	775	906
- Bao cao su	427	865	443
- Biện pháp tránh thai khác	26	126	1
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	7.742	5.061	3.965
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	4.263	17.590	11.057
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	3.554	14.758	7.811
- Triệt sản nam	5	4	2
- Triệt sản nữ	42	56	34
- Thuốc cấy tránh thai	56	15	80
- Thuốc tiêm tránh thai	263	16	175
- Thuốc uống tránh thai	232	353	1.323
- Bao cao su	85	2.099	1.115
- Biện pháp tránh thai khác	26	289	517
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	2.895	16.702	12.795
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	10.348	14.772	6.278
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	9.009	10.937	5.320
- Triệt sản nam	0	3	0
- Triệt sản nữ	49	86	35
- Thuốc cấy tránh thai	12	108	2
- Thuốc tiêm tránh thai	1	155	22
- Thuốc uống tránh thai	458	970	352
- Bao cao su	743	2.073	477
- Biện pháp tránh thai khác	76	440	70
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	13.065	14.233	9.510
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	14.486	5.335	14.342
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	9.768	3.503	12.448
- Triệt sản nam	0	1	10
- Triệt sản nữ	79	35	20
- Thuốc cấy tránh thai	27	31	59
- Thuốc tiêm tránh thai	60	61	116
- Thuốc uống tránh thai	1.738	583	570
- Bao cao su	2.715	801	925
- Biện pháp tránh thai khác	99	320	194
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	18.525	6.825	11.370
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0	0	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	12.595	22.671	3.582
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	5.169	18.454	3.023
- Triệt sản nam	2	1	0
- Triệt sản nữ	67	104	10
- Thuốc cấy tránh thai	1	12	1
- Thuốc tiêm tránh thai	6	68	59
- Thuốc uống tránh thai	918	507	76
- Bao cao su	3.476	2.339	294
- Biện pháp tránh thai khác	2.956	1.186	119
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	5.533	42.319	4.548
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0	0	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0	0	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0	0	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
17. Số nữ thôi sử dụng cấy tránh thai trong quý (người)	0
18. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	28.817
Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	15.043
- Triệt sản nam	2
- Triệt sản nữ	173
- Thuốc cấy tránh thai	259
- Thuốc tiêm tránh thai	127
- Thuốc uống tránh thai	4.858
- Bao cao su	7.123
- Biện pháp tránh thai khác	1.232
19. Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	14.368
20. Số người đã thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
21. Số PN mang thai đã được SL, chẩn đoán trước sinh đủ 4 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau, bệnh Thalassemia) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
22. Số PN mang thai đã được tầm soát, SLTS 3 bệnh (hội chứng Down, hội chứng Edwad, hội chứng Patau) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
23. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS đủ 5 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh, Khiếm thính bẩm sinh, Bệnh tim bẩm sinh) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
24. Số trẻ sinh ra đã được tầm soát, SLSS 3 bệnh (Bệnh suy giáp trạng bẩm sinh, Bệnh thiếu men G6PD, Tăng sản thượng thận bẩm sinh) trong quý (Người)	0
Trong đó: Số cần quản lý, theo dõi tại cộng đồng	0
25. Số người cao tuổi được khám SK định kỳ trong quý	0
26. Số Hộ GD được CTV dân số tư vấn, tuyên truyền về dân số tại hộ trong quý (Hộ)	0

Tên chỉ tiêu	Toàn huyện	Huyện Bá Thước	Huyện Cẩm Thủy
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	34	34	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	1.712	1.712	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý	0		
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý	0		
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý	0		
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý	0		
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	5.231	205	119
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....
CHI CỤC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên chỉ tiêu	Huyện Đông Sơn	Huyện Hà Trung	Huyện Hậu Lộc
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	94	143	176
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Hoằng Hóa	Huyện Lang Chánh	Huyện Mường Lát
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	257	88	114
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Nông Cống	Huyện Nga Sơn	Huyện Ngọc Lặc
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	230	192	213
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Như Thanh	Huyện Như Xuân	Huyện Quan Hóa
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	169	210	107
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Quan Sơn	Huyện Quảng Xương	Huyện Thạch Thành
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	125	188	282
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Thiệu Hoá	Huyện Thọ Xuân	Huyện Thường Xuân
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	192	297	150
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Huyện Triệu Sơn	Huyện Vĩnh Lộc	Huyện Yên Định
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	458	140	149
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thành phố Sầm Sơn	Thành phố Thanh Hóa	Thị xã Bim Sơn
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0	0	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0	0	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0	0	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý			
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý			
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý			
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý			
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	86	514	65
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0	0	0

Tên chỉ tiêu	Thị Xã Nghi Sơn
27. Số lần tuyên truyền về công tác dân số tại xã trong quý(Lần)	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0
28. Số lần truyền thông lưu động về công tác dân số tại khu công nghiệp, trường phổ thông, địa bàn khó tiếp cận của huyện trong quý (Lần)	0
Trong đó: Số lượt người tham dự (Lượt người)	0
29. Số lần tuyên truyền về dân số trên đài phát thanh huyện trong quý (Lần)	0
30. Số tin, bài tuyên truyền về dân số trên các ấn phẩm của cơ quan báo chí địa phương trong quý	
31. Số Pano, áp phích tuyên truyền về dân số trên địa bàn tính đến cuối quý	
32. Số xã tham gia tổ chức sự kiện truyền thông, chiến dịch truyền thông trong quý	
33. Số xã tham gia tổ chức Chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số trong quý	
34. Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	268
35. Số thôn chưa có cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (Thôn)	0